

Bình Phước, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Số: 06/HHAN-ĐBP

BẢN TIN HẠN HÁN

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;
Căn cứ Quyết định quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014.
Từ nguồn số liệu mưa và số liệu mực nước các hồ chứa trong tỉnh được cập nhật đến ngày 21/03/2022.

Bảng 1. So sánh lượng mưa trung bình nhiều năm các tháng mùa khô so với tổng lượng mưa các tháng mùa khô năm 2021-2022

	Tháng	11	12	1	2
	Trung bình nhiều năm	138.0	38.0	16.0	16.0
Bình Long	Tổng lượng mưa tháng	157.0	41.6	1.0	58.2
	% so với trung bình nhiều năm	113.8	109.5	6.25	363.8
Bù Đốp	Tháng	11	12	1	2
	Trung bình nhiều năm	85.0	22.0	12.0	19.0
	Tổng lượng mưa tháng	135.2	54.6	0	44.2
	% so với trung bình nhiều năm	159.1	248.2	0	232.6
Bù Đăng	Tháng	11	12	1	2
	Trung bình nhiều năm	145.0	46.0	25.0	39.0
	Tổng lượng mưa tháng	131.4	25.8	4.4	148.8
	% so với trung bình nhiều năm	90.6	56.1	17.6	381.5
Lộc Ninh	Tháng	11	12	1	2
	Trung bình nhiều năm	78.0	38.0	38.0	106
	Tổng lượng mưa tháng	186.6	54.6	0	27.6
	% so với trung bình nhiều năm	239.2	143.7	0	26.0
Đồng Xoài	Tháng	11	12	1	2
	Trung bình nhiều năm	159.0	49.0	10.0	27.0
	Tổng lượng mưa tháng	244.3	30.5	0.8	67.6
	% so với trung bình nhiều năm	153.6	62.2	8.0	250.4
Phước Long	Tháng	11	12	1	2
	Trung bình nhiều năm	141.0	49.0	23.0	29.0
	Tổng lượng mưa tháng	217.7	41.7	2.7	60.3
	% so với trung bình nhiều năm	154.4	85.1	11.7	207.9

Để đánh giá hạn nông nghiệp tỉnh Bình Phước chúng tôi sử dụng *chỉ số hạn nông nghiệp Prescott*

$$K_n = (0.38 * X) / E^{0.7}$$

Trong đó:

X: Lượng mưa thời đoạn tính

E: Lượng bay hơi thời đoạn tính

Kết quả tính toán cho 11 huyện thị như sau:

STT	Điểm	Chỉ số hạn nông nghiệp Prescott
1	TX. Phước Long	Mức độ 0: Không có hạn
2	TP. Đồng Xoài	Mức độ 0: Không có hạn
3	TX. Bình Long	Mức độ 0: Không có hạn
4	H. Bù Gia Mập	Mức độ 0: Không có hạn
5	H. Lộc Ninh	Mức độ 0: Không có hạn
6	H. Bù Đốp	Mức độ 0: Không có hạn
7	H. Hớn Quản	Mức độ 0: Không có hạn
8	H. Đồng Phú	Mức độ 0: Không có hạn
9	H. Bù Đăng	Mức độ 0: Không có hạn
10	H. Chơn Thành	Mức độ 0: Không có hạn
11	H. Phú Riềng	Mức độ 0: Không có hạn

Bảng 2. Số liệu mực nước tại các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Chi cục Thủy lợi tỉnh cung cấp)

TT	Công trình	Địa điểm	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Dung tích còn lại (triệu m ³)	Tỷ lệ giữa lượng nước còn lại với dung tích toàn bộ (%)
1	Hồ Suối Giai	Xã Tân Lập	21.3	20.10	94%
2	Hồ Đồng Xoài	Xã Thuận Lợi	9.66	7.19	74%

3	Hồ Suối Cam 1	TP. Đồng Xoài	1.767	1.55	88%
4	Hồ Tân Lợi	TT. Tân Phú	3.27	3.23	99%
5	Hồ Tân Hòa	Xã Tân Hòa	2.36	2.20	93%
6	Hồ Suối Bình	Xã Đồng Tiến	1.513	1.43	95%
7	Hồ Suối Cam 2	TP. Đồng Xoài	0.3297	0.33	100%
8	Hồ Tân Hưng	Xã Tân Hưng	0.965	0.97	100%
9	Hồ Lộc Quang	Xã Lộc Quang	5.828	5.23	90%
10	Hồ Rừng Cẩm	Xã Lộc Tấn	2.067	2.02	97%
11	Hồ Tà Thiết	Xã Lộc Thành	1.15	0.84	73%
12	Hồ Lộc Thạnh	Xã Lộc Thạnh	2.957	2.96	100%
13	Hồ Tà Te	Xã Lộc Thành	0.76	0.64	84%
14	Hồ Bù Nâu	Xã Lộc Điền	0.614	0.58	95%
15	Hồ Suối Phèn	Xã Lộc Điền	0.2115	0.19	90%
16	Hồ Bù Kal	Xã Lộc Hòa	0.616	0.59	97%
17	Hồ Suối Nuy	Xã Lộc An	0.642	0.59	92%
18	Hồ M26	Xã Phước Thiện	0.22	0.22	100%
19	Hồ Ông Thoại	Xã Nghĩa Trung	1.765	1.77	100%
20	Hồ Bra Măng	Xã Minh Hưng	0.88	0.82	93%
21	Hồ Hưng Phú	Xã Minh Hưng	1.174	1.11	94%
22	Hồ Sơn Hiệp	Xã Thọ Sơn	0.268	0.27	100%
23	Hồ Thọ Sơn	Xã Phú Sơn	0.803	0.80	100%
24	Hồ Đắc Liên	Xã Đắc Nhau	0.43	0.38	88%
25	Hồ Đa Bo	Xã Đồng Nai	0.5655	0.54	96%
26	Hồ Sơn Lợi	Xã Thọ Sơn	0.76	0.74	98%
27	Hồ Đa Bông Cua	Xã Thống Nhất	0.266	0.26	98%
28	Hồ Phú Sơn	Xã Phú Sơn	0.3921	0.39	100%
29	Hồ NT 4	Xã Long Hưng	2.639	2.47	94%
30	Hồ NT 6	Xã Long Hà	2.749	2.75	100%
31	Hồ NT 9	Xã Long Tân	1.969	1.90	96%
32	Hồ NT 10	Xã Phú Riêng	0.2	0.16	82%
33	Hồ Bù Ka	Xã Long Hưng	0.29	0.20	69%
34	Hồ Bàu Thôn	Xã Long Hưng	0.43	0.41	95%
35	Hồ Bàu Sen	Xã Long Bình	0.514	0.48	94%
36	Hồ NT 8	Xã Bình Tân	1.19	1.15	97%
37	Hồ Đắc Tôn	P. Sơn Giang	0.506	0.42	82%
38	Hồ Đội 7	Xã Phước Minh	1.74	1.62	93%
39	Hồ Bình Hà	Xã Đa Kia	0.9516	0.71	75%



40	Hồ Bù Xia	Xã Đăk Ô	0.1625	0.15	95%
41	Hồ Sa Cát	Xã Thanh Bình	1.327	1.33	100%
42	Hồ An Khương	Xã An Khương	2.6	1.85	71%
43	Hồ Bàu Úm	TT. trấn Tân Khai	1.58	1.39	88%
44	Hồ Suối Ông	TT. trấn Tân Khai	0.386	0.33	85%
45	Hồ Ba Veng	Xã Minh Tâm	0.8674	0.87	100%
46	Hồ Suối Lai	Xã Tân Quan	0.436	0.44	100%
47	Hồ Suối Láp	Xã Tân Hiệp	0.445	0.45	100%

Nhận định thiên tai hạn hán tỉnh Bình Phước:

Căn cứ theo lượng mưa tháng so với trung bình nhiều năm của của 2 trạm khí tượng Đồng Xoài và Phước Long và số liệu mưa 4 trạm đo mưa Bù Đăng, Bù Đốp, Bình Long, Lộc Ninh và chỉ số hạn nông nghiệp Prescott.

Căn cứ Quyết định số: 44/2014QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ V/v quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai. Đài Khí tượng Thủy văn thông báo hạn tại tỉnh Bình Phước như sau:

STT	Địa điểm	Cấp độ thiên tai
1	TX. Phước Long	Không có
2	TP. Đồng Xoài	Không có
3	TX. Bình Long	Không có
4	H. Bù Gia Mập	Không có
5	H. Lộc Ninh	Không có
6	H. Bù Đốp	Không có
7	H. Hớn Quản	Không có
8	H. Đồng Phú	Không có
9	H. Bù Đăng	Không có
10	H. Chơn Thành	Không có
11	H. Phú Riềng	Không có

Nhận định tình hình thời tiết tỉnh Bình Phước:

Thời tiết khu vực tỉnh Bình Phước trong tuần cuối tháng 3/2022 vẫn có mưa trái mùa xảy ra, lượng mưa xấp xỉ cao hơn TBNN.

Nhận định chung về tình hình hạn hán trên địa bàn tỉnh Bình Phước: trong 10 ngày tới chưa có khả năng xuất hiện cấp độ thiên tai về hạn hán.

Đây là bản tin hạn cuối cùng trong đợt cảnh báo hạn hán liên tục trong tháng 2 và tháng 3 trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục KTTV;
- UBND tỉnh.
- Ban CHPCLB tỉnh.
- Sở TN & MT.
- Đài Truyền hình tỉnh.
- Báo Bình Phước.
- Đài KTTV Khu vực Nam Bộ.
- Lưu VTt.

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Mạnh Tiến

